

Số: /2022/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đối với giáo dục phổ thông; hỗ trợ cho học sinh nội trú, bán trú, học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong thời gian ôn tập, thi tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI  
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục; hỗ trợ kinh phí cho học sinh nội trú, bán trú, học sinh có hoàn cảnh khó khăn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 153/BC-BVHXH ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu dự kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đối với giáo dục phổ thông (sau đây gọi chung là kỳ thi) trên địa bàn tỉnh Lào Cai, gồm: Thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông cấp huyện, cấp tỉnh; kỳ thi nghề phổ thông; thi giáo viên tự làm đồ dùng dạy học; thi giáo viên dạy giỏi, thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp huyện, cấp tỉnh.

b) Chính sách đặc thù hỗ trợ kinh phí cho học sinh nội trú, bán trú và học sinh lớp 12 có hoàn cảnh khó khăn trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Học sinh, các cơ sở giáo dục, các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện;

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Lào Cai được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

### **Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Mức chi quy định tại Nghị quyết này thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng mức thù lao cao nhất.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.

3. Việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, chế độ kế toán.

### **Điều 3. Nội dung mức chi và kinh phí thực hiện để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi đối với giáo dục phổ thông**

1. Nội dung, mức chi và kinh phí thực hiện để chuẩn bị, tổ chức, tham dự kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (có phụ lục 01 kèm theo);

2. Nội dung, mức chi và kinh phí thực hiện để chuẩn bị, tổ chức, tham dự kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông (có phụ lục 02 kèm theo);

3. Nội dung, mức chi và kinh phí thực hiện để chuẩn bị, tổ chức, tham dự các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông cấp huyện, cấp tỉnh; kỳ thi nghề phổ thông; thi giáo viên tự làm

đồ dùng dạy học; thi giáo viên dạy giỏi, thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp huyện, cấp tỉnh (có phụ lục 03 kèm theo).

#### **Điều 4. Nội dung, mức hỗ trợ kinh phí cho học sinh nội trú, bán trú và học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông**

1. Hỗ trợ một lần cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trong thời gian ôn tập, thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

a) Học sinh thuộc dân tộc rất ít người: 1.500.000 đồng/học sinh;

b) Học sinh thuộc các dân tộc còn lại: 1.200.000 đồng/học sinh.

2. Hỗ trợ một lần cho học sinh bán trú tại các trường trung học phổ thông có học sinh ở bán trú trong thời gian ôn, thi tốt nghiệp trung học phổ thông:

a) Học sinh bán trú thuộc dân tộc rất ít người: 900.000 đồng/học sinh;

b) Học sinh bán trú đã được hưởng chế độ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ: 600.000 đồng/học sinh;

c) Học sinh bán trú đã được hưởng chế độ theo Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh và các Nghị quyết điều chỉnh bổ sung (nếu có): 300.000 đồng/học sinh.

3. Hỗ trợ một lần cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, có tinh thần vượt khó trong học tập tham gia kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông: 500.000 đồng/học sinh.

a) Học sinh mồ côi (mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ);

b) Học sinh là con hộ nghèo, cận nghèo có hạnh kiểm tốt, đạt học lực từ khá trở lên. Số lượng hỗ trợ tối đa 15 học sinh/trường trung học phổ thông; 10 học sinh/trung tâm (trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề và giáo dục thường xuyên tỉnh, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên cấp huyện, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên thị xã Sa Pa thuộc trường Cao đẳng Lào Cai). Trường hợp học sinh có đủ điều kiện nhưng có số lượng lớn hơn quy định thì xét theo điểm trung bình các môn học của cả năm học lớp 12, lấy từ cao xuống thấp;

c) Trường hợp học sinh thuộc cả 02 đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản này thì chỉ được hỗ trợ theo 01 đối tượng.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi đối với giáo dục phổ thông.

a) Nguồn sự nghiệp giáo dục ngân sách tỉnh đối với các nhiệm vụ do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện;

b) Nguồn ngân sách huyện đối với các nhiệm vụ do huyện, thị xã, thành phố chủ trì thực hiện;

c) Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí hỗ trợ cho học sinh nội trú, bán trú và học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo Điều 4 Nghị quyết này: Ngân sách tỉnh.

## **Điều 6. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khoá XVI, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022; thay thế Chương 1 nội dung mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông và tập huấn đội tuyển dự thi các kỳ thi học sinh giỏi trên địa bàn tỉnh quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh./.

### ***Nơi nhận:***

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban TT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: TU, HĐND&Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, VHXH.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Xuân Cường**

**Phụ lục 01**  
**NỘI DUNG, MỨC CHI VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỂ CHUẨN BỊ**  
**TỔ CHỨC, THAM DỰ KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1000 đồng)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Ban chỉ đạo thi</b>			
	a) Trưởng ban	Người/ngày	700	
	b) Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
	c) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	350	
	d) Nhân viên phục vụ	Người/ngày	150	
<b>2</b>	<b>Hội đồng thi</b>			
	a) Chủ tịch	Người/ngày	500	
	b) Phó Chủ tịch	Người/ngày	350	
	c) Ủy viên	Người/ngày	250	
<b>3</b>	<b>Ban Thư ký</b>			
	a) Trưởng ban	Người/ngày	500	
	b) Phó Trưởng ban	Người/ngày	350	
	c) Ủy viên	Người/ngày	250	
<b>4</b>	<b>Ban coi thi/Điểm thi</b>			
	a) Trưởng ban/Trưởng điểm thi	Người/ngày	450	
	b) Phó Trưởng ban/Phó trưởng điểm thi	Người/ngày	350	
	c) Ủy viên, thư ký, giám thị (cán bộ coi thi, cán bộ giám sát)	Người/ngày	250	
	d) Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	150	
<b>5</b>	<b>Ban in sao đề thi</b>			
	a) Trưởng ban	Người/ngày	500	
	b) Phó Trưởng ban	Người/ngày	400	
	c) Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Người/ngày	300	
	d) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	200	
	đ) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài và thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày	150	
<b>6</b>	<b>Ban làm phách/Tổ làm phách</b>			
	a) Trưởng ban	Người/ngày	500	
	b) Phó Trưởng ban	Người/ngày	400	
	c) Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	300	
	d) Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	200	
	đ) Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150	
<b>7</b>	<b>Hội đồng/Ban chấm thi (Ban chấm thi tự luận, phúc khảo tự luận, thẩm định bài thi)</b>			
	a) Trưởng ban	Người/ngày	500	
	b) Phó Trưởng ban	Người/ngày	400	

	c) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	300	
	d) Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	150	
<b>8</b>	<b>Chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau kỳ thi</b>			
	a) Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	400	
	b) Thành viên thanh tra	Người/ngày	300	
<b>9</b>	<b>Hội đồng xét duyệt kết quả tốt nghiệp</b>			
	a) Chủ tịch hội đồng	Người/ngày	400	
	b) Phó Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	300	
	c) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	250	
	d) Nhân viên phục vụ	Người/ngày	150	

**Phụ lục 02**  
**NỘI DUNG, MỨC CHI VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỂ CHUẨN BỊ**  
**TỔ CHỨC, THAM DỰ KỲ THI TUYỂN SINH VÀO 10**  
**TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1000 đồng)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Hội đồng ra đề</b>			
	a) Chủ tịch	Người/ngày	500	
	b) Phó Chủ tịch	Người/ngày	400	
	c) Thư ký, ủy viên	Người/ngày	350	
	d) Bảo vệ vòng trong 24/24h	Người/ngày	200	
	đ) Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150	
<b>2</b>	<b>Hội đồng thi/Ban coi thi</b>			
	a) Trưởng ban	Người/ngày	450	
	b) Phó Trưởng ban	Người/ngày	350	
	c) Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	250	
	d) Công an, bảo vệ	Người/ngày	150	
<b>3</b>	<b>Ban/Tổ làm phách</b>			
	a) Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	450	
	b) Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	350	
	c) Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300	
	d) Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	200	
	đ) Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150	
<b>4</b>	<b>Hội đồng/Ban chấm thi (chấm tự luận, phúc khảo, chấm thẩm định)</b>			
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	500	
	b) Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban	Người/ngày	350	
	c) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	300	
	d) Bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	150	
<b>5</b>	<b>Chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau kỳ thi</b>			
	a) Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	350	
	b) Thành viên thanh tra	Người/ngày	250	
<b>6</b>	<b>Tiền công ra đề thi</b>			
	a) Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
	- Chủ trì	Người/ngày	500	
	- Thành viên	Người/ngày	350	
	b) Tiền công ra đề chính thức và đề dự bị kèm theo đáp án và biểu điểm	Đề	700	
	c) Ra đề thi đề xuất			
	Hàng năm xây dựng ngân hàng đề thi đề xuất cấp tỉnh của Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10			

	THPT (gồm đề thi các môn chuyên và không chuyên); định mức tối đa: 20 đề/môn/năm			
	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận	Đề	500	
<b>7</b>	<b>Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm</b>			
7.1	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô			
	a) Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu	35	
	b) Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	30	
	c) Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	25	
	d) Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	18	
	đ) Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	5	
7.2	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			
	a) Chủ trì	Người/ngày	400	
	b) Thành viên	Người/ngày	280	

### PHỤ LỤC 03

**NỘI DUNG, MỨC CHI VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỂ CHUẨN BỊ  
TỔ CHỨC, THAM DỰ KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN, CẤP  
TỈNH CÁC MÔN VĂN HÓA, CHỌN ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA**  
(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

**I. Nội dung, mức chi và kinh phí thực hiện công tác tổ chức thi kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa, chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia:**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa, chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia			
			Thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Thi lập đội tuyển thi học sinh giỏi quốc gia (2 vòng)	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh	Thi học sinh giỏi cấp huyện
1	<b>Hội đồng/Ban ra đề</b>					
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	Không	500	500	400
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	Không	450	450	350
	c) Thư ký, Ủy viên	Người/ngày	Không	400	400	300
	d) Bảo vệ vòng trong 24/24h		Không	200	200	200
	đ) Thư ký, Ủy viên, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	Không	150	150	100
2	<b>Hội đồng/Ban coi thi</b>					
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	500	450	450	350
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	400	350	350	250
	c) Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	300	250	250	200
	d) Giám thị (CBCT)	Người/ngày	200	200	200	150
	đ) Công an, bảo vệ	Người/ngày	150	150	150	100
3	<b>Ban/Tổ làm phách</b>					
	a) Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	Không	500	500	400
	b) Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	Không	400	400	350
	c) Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	Không	350	350	300
	d) Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	Không	200	200	150
	đ) Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	Không	150	150	100
4	<b>Hội đồng/Ban chấm thi</b> (chấm tự luận, chấm phúc khảo tự luận, chấm thẩm định)					
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	Không	500	500	400
	b) Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	Không	400	400	350
	c) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	Không	350	350	300
	d) Nhân viên phục vụ, Công an, bảo vệ	Người/ngày	Không	150	150	100
5	<b>Tiền công ra đề thi</b>					

5.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi					
	a) Chủ trì	Người/ngày	Không	500	500	Không
	b) Thành viên	Người/ngày	Không	350	350	Không
5.2	Ra đề thi đề xuất đối với đề tự luận					
	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận	Đề	Không	700	700	Không
5.3	Tiền công ra đề chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm	Đề	Không	900	900	700
6	<b>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm</b>					
6.1	Tiền công đối với câu hỏi					
	a) Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu	Không	35	35	Không
	b) Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	Không	30	30	Không
	c) Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	Không	25	25	Không
	d) Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	Không	20	20	Không
	đ) Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	Không	5	5	Không
6.2	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm					
	a) Chủ trì	Người/ngày	Không	600	600	Không
	b) Thành viên	Người/ngày	Không	400	400	Không

## II. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi tại địa phương gồm:

1. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện gồm: Thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông; thi giáo viên tự làm đồ dùng dạy học; hội thi giáo viên dạy giỏi; hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, được áp dụng bằng 80% theo các nội dung và mức chi tương ứng của thi chọn học sinh giỏi cấp huyện tại mục I Phụ lục 03 kèm theo Nghị quyết này.

2. Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh gồm: Thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông; kỳ thi nghề phổ thông; thi giáo viên tự làm đồ dùng dạy học; hội thi giáo viên dạy giỏi; hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, được áp dụng bằng 80% theo các nội dung và mức chi tương ứng của thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh tại mục I Phụ lục 03 kèm theo Nghị quyết này./.

